TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 15 - 3 - 2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.*

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 496/2021/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khóm K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khóm K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích H kết hôn năm 2005, hôn nhân tự nguyện lần thứ nhất của cả hai. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ

ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 17/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ khóm K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang đến tháng 10 năm 2021 thì ly thân. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, bà H thường xuyên nhậu nhẹt, đi qua đêm không về nhà, bỏ bê gia đình, tình trạng mâu thuẫn kéo dài trong thời gian dài. Ông T đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng hàn gắn nhưng bà H vẫn không sửa đổi tánh tình. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích H.

Về quan hệ con chung: Ông T và bà H 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động; Nguyễn Thanh B, sinh ngày 10/02/2012 hiện nay do ông T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, điều kiện đi lại khó khăn nên không đến dự tòa được. Bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, điều kiện đi lại khó khăn nên không đến dự tòa được. Bà H không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Nguyễn Thị Bích H.

Về con chung: Do con chung của ông T và bà H là các cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động; Nguyễn Thanh B, sinh ngày 10/02/2012 hiện đang sống với ba. Ông T có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà H không có ý kiến về con chung. Để đảm bảo ổn định về tinh thần, đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung của ông T và bà H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông T.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con: Do ông T không có yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi các con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, điều kiện đi lại khó khăn nên không đến dự tòa được. Bà H không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Bích H tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn năm kết hôn năm 2005, hôn nhân tự nguyện lần thứ nhất của cả hai. Có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố L vào ngày 17/10/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ khóm K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang đến tháng 10 năm 2021 thì ly thân. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, bà H thường xuyên nhậu nhẹt, đi qua đêm không về nhà, bỏ bê gia đình, tình trạng mâu thuẫn kéo dài trong thời gian dài. Ông T đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng hàn gắn nhưng bà H vẫn không sửa đổi tánh tình. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích H. Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà H. Tuy nhiên, bà H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của ông T và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc bà không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên ông T và tạo thêm thời gian để vợ chồng ông bà có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, ông Tuấn vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà H không đến thăm nom

các con chung, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà H dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử văng mặt lý do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, điều kiện đi lại khó khăn nên không đến dự tòa được. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà H không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông Tuấn được ly hôn với bà H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động; Nguyễn Thanh B, sinh ngày 10/02/201. Con chung hiện nay đang sống với ông T. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu bà hợp cấp dưỡng nuôi con. Lời khai của ông T phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 602/2021 ngày 18/11/2021 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L cấp và bản sao giấy khai sinh số 82/2012 ngày 21/02/2012 do Uỷ ban nhân dân phường M, thành phố L cấp. Xét thấy, cháu L đã trưởng thành, có khả năng lao động và cháu B thời gian qua được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu B cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với ba. Để ổn định đời sống cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi cháu B của nguyên đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, do ông T không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà H được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn bà H cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] ***Về án phí*:** Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 179; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích H.

2. Về con chung: Ông T và bà H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động; Nguyễn Thanh B, sinh ngày 10/02/2012. Ông T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không có yêu cầu. Ông T cùng các thành viên trong gia đình của mình phải tạo điều kiện cho bà H được thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000741 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- THADS TPL;
- UBND phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang